TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 188/2026/QĐST-DS	*Cần Thơ, ngày 25 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 301/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S1 (nay là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S2)

Địa chỉ: Số B - B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Phan Minh T – Trưởng phòng khách hàng cá nhân. Văn bản uỷ quyền ngày 11/6/2026

Địa chỉ: E khu vực L, phường T, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973; Bà Lưu Thị Tuyết V, sinh năm 1973

Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn Nguyễn Văn T1, Lưu Thị Tuyết V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S1 (nay là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S2) số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 17/6/2026 là 10.746.883.222đ *(mười tỷ, bảy trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, hai trăm hai mươi hai đồng),* trong đó:

Hợp đồng tín dụng số 06 - 202025557325 ngày 27/9/2024 nợ gốc: 9.000.000.000đ *(chín tỷ đồng)*, nợ lãi trong hạn 52.865.744đ *(năm mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi bốn đồng),* nợ lãi quá hạn 698.301.382đ *(sáu trăm chín mươi tám triệu, ba trăm linh một nghìn, ba*

trăm tám mươi hai đồng), chậm trả lãi trong hạn 3.808.685đ *(ba triệu, tám trăm linh tám nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng)*. Tổng cộng 9.754.975.811đ *(chín tỷ, bảy trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi lăm nghìn, tám trăm mười một đồng).*

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân số 3123037 ngày 30/01/2024 của bị đơn Nguyễn Văn T1, nợ gốc 327.641.466đ *(ba trăm hai mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi mốt nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng),* nợ lãi quá hạn 40.256.169đ *(bốn mươi triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi chín đồng).* Tổng cộng 367.897.635đ *(ba trăm sáu mươi bảy triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm ba mươi lăm đồng).*

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân số số 3141665 ngày 22/02/2024 của bị đơn Nguyễn Văn T1, nợ gốc 222.824.324đ *(hai trăm hai mươi hai triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, ba trăm hai mươi bốn đồng),* nợ lãi quá hạn 36.724.568đ *(ba mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi bốn nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng).* Tổng cộng 259.548.892đ *(hai trăm năm mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn, tám trăm chín mươi hai đồng).*

Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân số 3115030 ngày 24/01/2024 của bị đơn Lưu Thị Tuyết V, nợ gốc 324.580.685đ *(ba trăm hai mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng),* nợ lãi quá hạn 39.880.199đ *(ba mươi chín triệu, tám trăm tám mươi nghìn, một trăm chín mươi chín đồng).* Tổng cộng 364.460.884đ *(ba trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, tám trăm tám mươi bốn đồng).*

Kể từ ngày 18/6/2026 bị đơn còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất các bên thoả thuận theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết đến khi thanh toán xong.

Trường hợp bị đơn không trả số nợ trên, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để ưu tiên thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất:

Thửa 266, diện tích 1646m^2 (đất chuyên trồng lúa nước), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CS04410 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 28/12/2018 cho Võ Văn S đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1702, diện tích 80m^2 (đất ở tại nông thôn), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CS04414 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 28/12/2018 cho Võ Văn S đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1706, diện tích 60m^2 (đất ở tại nông thôn), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CH04363 được ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/11/2018 cho bà Hồ Thị C đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1573, diện tích 62m ^{2} (đất chuyên trồng lúa nước), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CS04362 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 14/11/2018 cho bà Hồ Thị C đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1707, diện tích 276m^2 (đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CH04364 được ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 08/11/2018 cho bà Hồ Thị C đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1694, diện tích 2000m^2 (đất chuyên trồng lúa nước), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CS04407 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 28/12/2018 cho ông Võ Văn S đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1708, diện tích 276m^2 (đất trồng cây lâu năm), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CS04412 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 28/12/2018 cho ông Võ Văn S đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1705, diện tích 60m^2 (đất ở tại nông thôn), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CS04413 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 28/12/2018 cho ông Võ Văn S đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Thửa 1572, diện tích 62m^2 (đất chuyên trồng lúa nước), tờ bản đồ số 6A, giấy chứng nhận QSD đất số CS04411 được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C cấp ngày 28/12/2018 cho ông Võ Văn S đứng tên, xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T1 ngày 11/11/2020. Đất toạ lạc ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ (cũ) nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S1 (nay là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S2) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 59.121.431đ (*năm mươi chín triệu, một trăm hai mươi mốt nghìn, bốn trăm ba mươi mốt đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004103 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Bị đơn phải nộp 59.373.000đ *(năm mươi chín triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn đồng).*

- Về chi phí xem xét thẩm định: các khoản hết 2.200.000đ *(hai triệu hai trăm nghìn đồng)* nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Bị đơn phải nộp để chuyển trả cho nguyên đơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tp. Cần Thơ;*
- *VKSND Khu vực 4 – Cần Thơ;*
- *THADS Tp. Cần Thơ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Khúc Thị Hồng